

ĐIỀU KIỆN VAY CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Nhà tài trợ	Thời hạn khoản vay (năm)	Thời gian ân hạn (năm)	Lãi suất		Đồng tiền vay	Các loại phí	Ghi chú
			Cố định	Thả nổi			
Ngân hàng Thế giới							
IDA Blend	25 năm	5 năm	2%/năm vay bằng đồng SDR; 2.84%/năm vay bằng đồng USD	N/A	SDR (vay bằng một loại đồng tiền như USD, EUR, JPY, GBP cũng được áp dụng)	Phí cam kết hiện tại là 0%. Các Giám đốc điều hành sẽ rà soát và phê duyệt mức phí cam kết hàng năm, tối đa không quá 0,5%/năm	(i) IDA Blend sẽ không còn sau khi tốt nghiệp IDA vào tháng 6 năm 2017. Lãi suất cố định cho khoản tín dụng một loại đồng tiền được tính toán và công bố theo quý. Điều khoản ở đây áp dụng cho Quý 1 năm tài khóa FY17 của WB. (ii) Trả nợ gốc: 3.3% từ năm 6 đến năm 15; 6.7% từ năm 16 đến năm 25; nhưng có thể sẽ áp dụng điều khoản trả nợ nhanh sau khi tốt nghiệp IDA.
IBRD	35 năm; kỳ hạn trả nợ trung bình của khoản vay tối đa là 20 năm	Thời gian ân hạn thay đổi nhưng tối đa không nhiều hơn 19,5 năm.	Phụ thuộc vào điều kiện thị trường. Mức lãi suất tham khảo thời điểm 8/11/2016 khoảng 3.58%	(i) LIBOR + chênh lệch cố định từ 0.85% đến 1.65%; (ii) LIBOR + chênh lệch biến đổi từ 0.41% đến 0.91% phụ thuộc vào kỳ hạn trung bình của khoản vay; Lãi suất đã bao gồm một mức sàn là 0	USD, EUR, JPY, GBP hoặc bất kỳ một đồng tiền nào mà IBRD có thể thu xếp	(i) Phí cam kết: 0.25%/năm (tính trên số tiền chưa giải ngân) (ii) Phí thu xếp khoản vay: 0,25% giá trị khoản vay được trả bằng cách khấu trừ trực tiếp vào vào vốn vay của Dự án	
IDA hard term	25 năm	5 năm	1.88%/năm nếu vay bằng đồng SDR; 2.39%/năm nếu vay bằng đồng USD	LIBOR + 0.31% vay bằng đồng USD; Lãi suất thả nổi phụ thuộc vào mức sàn là 0 điểm.	SDR (vay bằng một loại đồng tiền như USD, EUR, JPY, GBP cũng được áp dụng)	Phí cam kết hiện tại là 0%. Có thể thay đổi hàng năm.	Lịch trả nợ tương tự IDA Blend.
IDA SUF	24 năm, 27 năm; 30 năm	5 năm; 8 năm; 9 năm	(i) Với lựa chọn 24 năm. 5 năm ân hạn: lãi suất là 2.71% nếu vay bằng đồng SDR; 3.37% nếu vay bằng đồng USD; (ii) Với lựa chọn 27 năm, 8 năm ân hạn: lãi suất là 3.01 nếu vay bằng đồng SDR; 3.67% nếu vay bằng đồng USD; (iii) Với lựa chọn 30 năm, 9 năm ân hạn: lãi suất là 3.14% nếu vay bằng đồng SDR; 3.8% nếu vay bằng đồng USD;	(i) LIBOR + chênh lệch cố định từ 1.35% đến 1.65%; (ii) LIBOR + chênh lệch biến đổi từ 0.71% to 0.91% phụ thuộc vào kỳ hạn trung bình của khoản vay; Lãi suất đã bao gồm một mức sàn là 0.75%.	SDR (vay bằng một loại đồng tiền như USD, EUR, JPY, GBP cũng được áp dụng)	(i) Phí cam kết: 0.25%/năm (tính trên số tiền chưa giải ngân) (ii) Phí thu xếp khoản vay: 0.25%	(i) Lãi suất cố định cho khoản tín dụng vay bằng một loại đồng tiền được tính toán và công bố hàng quý. Khoản tín dụng bằng đồng SDR không áp dụng lãi suất thả nổi. Khoản tín dụng sử dụng nguồn SUF được dùng để tài trợ cho các khoản vay IDA được phê duyệt trước khi kết thúc tài khóa FY17. (ii) Trả nợ gốc: Với lựa chọn 24/5: 5.0%/năm cho năm 6-14; 5.5%/năm cho năm 15-24; Với lựa chọn 27/8: 5.0%/năm cho năm 9-17; 5.5%/năm cho năm 18-27; với lựa chọn 30/9: 4.7% /năm cho năm 10-23.5; 4.9% /năm cho năm 24-30
Nguồn khác							